

Số: 840 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 07 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường dự án “Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bó Hạ
(giáp Trường THPT thị trấn Bó Hạ)”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 473/TTr-TNMT ngày 01/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bó Hạ (giáp Trường THPT thị trấn Bó Hạ)” (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Bó Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo

¹ Thành lập theo Quyết định số 590/QĐ-TNMT ngày 29/6/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Yên Thế; UBND thị trấn Bó Hạ; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN.Toàn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “KHU ĐÔ THỊ SỐ 2 TRUNG TÂM THỊ TRẤN BỐ HẠ
(GIÁP TRƯỜNG THPT THỊ TRẤN BỐ HẠ)”**

*(Kèm theo Quyết định số 840 /QĐ-UBND ngày 07 /8/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp Trường THPT thị trấn Bồ Hạ).

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Thế.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô, công suất của dự án: Đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên khu đất có diện tích khoảng 9,45 ha, với quy mô dân số khoảng 500 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Giao thông, san nền, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, khu tập kết rác tạm thời.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thì dự án “Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp trường THPT thị trấn Bồ Hạ)” có tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện dự án khoảng 10,3 ha, trong đó diện tích đất lúa cần phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất khoảng 9,79 ha.

Tuy nhiên, để phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp Trường THPT thị trấn Bồ Hạ), tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Yên Thế phê duyệt tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 thì dự án “Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp Trường THPT thị trấn Bồ Hạ)” chỉ triển khai thực hiện đầu tư xây dựng trên diện tích khoảng 9,45 ha, trong đó diện tích đất lúa cần thu hồi, chuyển đổi mục đích đất khoảng 8,11 ha.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu đô thị số 2 trung tâm thị trấn Bồ Hạ (giáp Trường THPT thị trấn Bồ Hạ)” thì tổng diện tích sử dụng đất của dự án 94.545,8 m², trong đó diện tích đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 81.111,5 m².

2. Hạg mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng khoảng 94.545,8 m² đất, trong đó: Đất trồng lúa 81.111,5 m²; đất khác 13.434,3m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng như phát quang thảm thực vật, phá dỡ, di dời các công trình hiện trạng,...

+ Tác động do chiếm dụng đất kênh mương thủy lợi,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạg mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng,...); từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối bê tông nhựa nóng.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp; vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng; từ quá trình tưới nhựa bám dính, thấm bám, trải bê tông nhựa nóng; từ công đoạn hàn.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công; nước thải thi công phát sinh từ hoạt động thi công và từ quá trình vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng; từ quá trình rửa xe ...và nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường.

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng trên công trường. Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật; phá dỡ công trình hiện trạng; từ quá trình đào các rãnh thoát nước, đào móng các công trình; xử lý nền và nạo vét hữu cơ. Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng. Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thi công xây dựng.

- Tác động do rủi ro, sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tràn, vỡ đường ống dẫn dầu; rủi ro, sự cố do thiên tai; sự cố nổ bom mìn tồn lưu từ chiến tranh,...

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động của các hộ các hộ gia đình, khu công cộng dịch vụ,..

+ Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông; từ hoạt động đun nấu trong khu đô thị. Khí, mùi phát sinh từ khu tập kết rác thải; từ trạm xử lý nước thải.

+ Chất thải nguy hại (như: như dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, acquy thải, bao bì hóa chất tẩy rửa, bình xịt côn trùng và các loại chất thải khác).

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

- Tác động do rủi ro, sự cố cháy nổ; sự cố khi xảy ra thiên tai, bão lụt; sự cố tai nạn giao thông; sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước của khu đô thị; sự cố trạm xử lý nước thải,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,6 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms...

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công và từ quá trình vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng; từ quá trình rửa xe ... phát sinh khoảng 8,8 m³/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng ... vào nguồn tiếp nhận, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng; từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu (như: cát, sỏi, xi măng,...); từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối bê tông nhựa nóng (BTNN), với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp; vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂,...

+ Khí thải phát sinh từ quá trình tưới nhựa bám dính, thẩm bám, trải bê tông nhựa nóng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ độc hại,...

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng khoảng 10 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 6,49 tấn, với thành phần gồm gỗ, rễ hoa màu, cây bụi,...

- Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện trạng (dịch chuyển, hạ ngầm đường điện; di dời mồ mả, phá dỡ nhà tạm, kênh mương hiện trạng), với tổng khối lượng khoảng 6,91 tấn, trong đó:

+ Chất thải phát sinh từ quá trình dịch chuyển, hạ ngầm đường điện khoảng 2 tấn.

+ Chất thải phát sinh từ việc di dời mả mả khoảng 0,7m³, tương đương khoảng 1,01 tấn, với thành phần chủ yếu gồm bê tông, gạch vỡ.

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ 5 ngôi nhà tạm khoảng 2,4 tấn, với thành phần chủ yếu gồm bê tông, gạch vỡ.

+ Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ kênh mương hiện trạng khoảng 1,5 tấn, với thành phần chủ yếu gồm bê tông, gạch vỡ.

- Chất thải rắn từ quá trình đào rãnh thoát nước, đào móng công trình phát sinh khoảng 1,5 tấn, với thành phần chủ yếu gồm bùn, đất, đá...

- Đất đào xử lý nền và nạo vét hữu cơ phát sinh khoảng 15.323 m³, tương đương 18.388 tấn.

- Chất thải xây dựng (bao gồm: các chất thải của vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rời, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,...) phát sinh khoảng 0,1 tấn/ngày.

Ngoài ra, còn có lượng đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đất đắp từ mỏ đất đến dự án.

* Chất thải nguy hại như: Thùng, can đựng dầu diesel và mỡ bôi trơn; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; gang tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại (dầu, mỡ); bóng đèn huỳnh quang thải, hỏng,... phát sinh khoảng 354 kg/năm.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển đất san lấp, nguyên vật liệu ra vào dự án; hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến đa dạng sinh học; tác động của việc chiếm dụng đất nông nghiệp; tác động do chiếm dụng đất kênh mương thủy lợi; tác động do di chuyển hệ thống điện, mộ hiện trạng; tác động tới giao thông của khu vực; tác động đến việc tiêu thoát nước khu vực, nguy cơ gây úng ngập cục bộ; tác động đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng; tác động đến yếu tố kinh tế - xã hội;...

- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tràn, vỡ đường ống dẫn dầu; rủi ro, sự cố do thiên tai; sự cố nổ bom mìn tồn lưu từ chiến tranh,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án (bao gồm: nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sống trong khu đô thị, nước thải từ trường học và nước thải từ thương

mại dịch vụ) và từ các khu dân cư hiện trạng giáp ranh khu vực dự án, với tổng khối lượng khoảng 160 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải ra vào dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, NO₂, SO₂, CO,...

+ Khí thải, mùi từ hoạt động nấu ăn tại dự án, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO₂, THC...

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CHF₃, CH₂F₂, C₄F₁₀,...

+ Khí thải, mùi hôi từ khu tập kết rác thải và trạm xử lý nước thải tập trung, với thông số ô nhiễm đặc trưng là H₂S, Mercaptane, CO₂, CH₄... Trong đó H₂S và Mercaptane là các chất gây mùi hôi chính.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 250 kg/ngày. Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại của của các hộ gia đình, khu công cộng, dịch vụ khoảng 20 m³/năm. Bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 20,7 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án (như: dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, acquy thải, bao bì hóa chất tẩy rửa, bình xịt côn trùng và các loại chất thải khác) phát sinh tối đa khoảng 336 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án, ...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội,...

- Tác động do rủi ro, sự cố cháy nổ; sự cố khi xảy ra thiên tai, bão lụt; sự cố tai nạn giao thông; sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước của dự án; sự cố trạm xử lý nước thải; ...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại các vị trí thích hợp trong công trường. Nhà vệ sinh di động được thiết kế với bể chứa chất thải dung tích 3m³ để lưu chứa chất thải và được đặt tại các vị trí cách xa nguồn nước sử dụng.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định (tần suất 01 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy). Nước thải sinh hoạt không xả thải ra môi trường.

* Nước thải thi công:

- Quy hoạch thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công.

- Yêu cầu nhà thầu thi công thu gọn và giữ vệ sinh mặt bằng sau mỗi ca làm việc.

- Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Bố trí khoảng từ 2 đến 3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phối trộn vật liệu xây dựng, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe: Xây dựng tại công trường 01 hố lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 05 m³/hố để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

- Thi công các mương, cống thoát nước theo đúng thiết kế kỹ thuật của dự án trước hoặc sau mùa mưa. Đối với những vị trí đào, đắp chưa kịp thi công cống, mương thoát nước kiên cố sẽ xây dựng tuyến thoát nước mưa tạm thời, riêng biệt với tuyến thu gom, thoát nước thải tại các công trường thi công và lán trại của công nhân. Thiết kế các hố lắng (kích thước 1,2mx1,5m) để tránh ùn tắc đất đá trên tuyến thoát nước. Các tuyến thoát nước mưa này được nạo vét định kỳ (06 tháng/1 lần) đảm bảo bùn đất, rác thải không làm ảnh hưởng tới dòng chảy.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí xe tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp mặt bằng cho dự án tại những vị trí qua khu đông dân cư, trường học và công trường thi công. Tần suất tưới nước từ 2 lần/ngày đến 4 lần/ngày, tăng tần suất tưới nước lên từ 3 lần/ngày đến 4 lần/ngày khi thời tiết khô hanh, nắng nóng.

- Phun nước dập bụi trong khu vực thi công, với tần suất 2-4 lần/ngày.

- Đặt biển báo công trường đang thi công và bố trí người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công đảm bảo an toàn.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu,... khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Bố trí nhân lực đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động) trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

- Trước khi thực hiện công tác thổi bụi để trải bê tông nhựa nóng. Nhà thầu thi công yêu cầu công nhân tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

- Mua bê tông nhựa nóng tại các trạm trộn trên địa bàn chờ đến công trình để giảm thiểu tác động do đốt nóng chảy nhựa đường trên công trường.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi, trải bê tông nhựa nóng và các công nhân làm việc trong khu vực này (như: kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ,...).

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong thi công như: Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi trải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước khoanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Quá trình hàn thực hiện trong khu vực riêng biệt, Chủ dự án bố trí tại khu vực khuất gió, cách xa khu vực dân cư, hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp trong quá trình hàn được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,.. để đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe cho công nhân.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

- + Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng tại khu vực lán trại để công nhân thải bỏ chất thải khi phát sinh.

- + Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Đối với chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật:

- + Trước khi thi công 02 tháng, Chủ dự án thông báo kế hoạch thi công đến từng địa phương nơi có các hộ dân có đất nằm trong dự án để người dân có kế hoạch gieo trồng và thu hoạch nông sản phù hợp, tránh gây lãng phí.

- + Tạo điều kiện để cho các hộ dân thu gom toàn bộ cây trồng trên đất tận dụng tối đa vào các mục đích khác nhau.

+ Phần chất thải còn lại không tận dụng được sẽ thu gom và vận chuyển đến vị trí bãi đổ thải của dự án.

- Đối với chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện trạng (dịch chuyển, hạ ngầm đường điện; di dời mồ mả, phá dỡ nhà tạm, kênh mương hiện trạng):

+ Phần thân cột điện thu hồi về kho điện lực để tận dụng lại cho các dự án khác.

+ Đường dây điện được tháo dỡ thu hồi sẽ đưa về kho điện lực ưu tiên tận dụng cho các dự án khác hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua.

+ Các loại chất thải khác (như: bê tông, gạch vỡ,...) từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng (dịch chuyển, hạ ngầm đường điện; di dời mồ mả, phá dỡ nhà tạm, phá dỡ kênh mương hiện trạng) được thu gom và vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án.

- Đối với đất phát sinh từ quá trình đào các rãnh thoát nước, đào móng các công trình: Được thu gom và tận dụng làm nguyên liệu san lấp mặt bằng hoặc để lấp móng các công trình trong phạm vi xây dựng. Trước khi tiến hành thi công trên thực địa, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Đối với đất đào xử lý nền và nạo vét hữu cơ: Bố trí bãi tập kết tạm tại khu vực phía Đông Nam của dự án và có phương án tận dụng toàn bộ lượng đất này để đắp vào các khu đất trồng cây xanh trong phạm vi dự án, không vận chuyển đi đổ thải. Trường hợp tận dụng đất đào này làm vật liệu xây dựng, làm vật liệu san lấp mặt bằng, đắp nền tại dự án hoặc các dự án, công trình xây dựng khác, Chủ dự án phải thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại và tận dụng triệt để các loại phế liệu phục vụ cho chính hoạt động xây dựng dự án:

+ Các loại chất thải (như: sắt thép, giấy vụn, bìa carton,...) sẽ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các loại đất, đá thừa, gạch vỡ thừa,... được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi dự án.

+ Các chất thải không tận dụng được sẽ thu gom, vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án.

(Bãi đổ thải của dự án tại hố chôn lấp rác thuộc khu xử lý rác thải xã Đồng Vương, huyện Yên Thế, với cự ly vận chuyển khoảng 10 km).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng phi có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi thùng chứa CTNH được dán nhãn tên, mã CTNH. Các thùng chứa CTNH được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời (diện tích 6m²) trong khu vực công trường (kho chứa CTNH: nền xi măng, mái

lợp phibroximang, cửa lưới thép, có biển cảnh báo; được bố trí cách xa khu lán trại của công nhân).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định (tần suất 01 lần sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng).

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý, nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số.

- Lựa chọn các máy móc, thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc, thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Không sử dụng các máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc, thiết bị phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo, dưỡng các thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Sử dụng các kết cấu đàn hồi giảm rung (như: hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,...) được lắp giữa máy và bệ máy, đồng thời định kỳ kiểm tra hoặc thay thế.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trước khi tiến hành san lấp tạo mặt bằng, Chủ dự án thực hiện công tác khảo sát, rà phá bom mìn theo quy định của nhà nước. Công tác khảo sát, rà phá bom mìn nằm trong kế hoạch giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, được thực hiện trước giai đoạn san lấp tạo mặt bằng. Công tác khảo sát và rà phá bom mìn được thực hiện bởi các đơn vị có đủ năng lực và chuyên môn được nhà nước quy định.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tham gia thi công xây dựng đúng quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động. Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, tại các nút giao thông, kho chứa các chất dễ cháy nổ...

- Lắp biển báo cấm lửa và trang bị các thiết bị chữa cháy và dập cháy nhanh tại các khu vực dễ xảy ra cháy nổ.

- Đặt các biển cảnh báo cho người dân trong vùng biết công trường đang thi công, khu vực xe ra vào thường xuyên để người dân cảnh giác tránh gây các trường hợp tai nạn giao thông xảy ra.

- Các xe tải vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không bị hư hỏng phanh xe, lốp xe, còi,....

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường phải được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.

- Hạn chế các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ (như: lửa, chập điện, hàn điện, đun nấu tại công trường, hút thuốc ...).

- Các máy móc, thiết bị thi công làm việc ở nhiệt độ, áp suất phải được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch, được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.

- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ. Trang bị các phương tiện chữa cháy tại các kho (như: bình bọt, bình CO₂, cát, hồ nước,...).

- Bố trí các tuyến mương đất thoát nước tạm để dẫn dòng khi thi công đảm bảo thoát nước khu vực tránh hiện tượng ngập úng vào mùa mưa.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra mương quy hoạch tiếp nhận.

- Phương án thiết kế hoàn trả đường ống dẫn dầu bảo đảm các chỉ tiêu kỹ thuật của tuyến ống theo quy định tại Nghị định số 13/2011/NĐ-CP ngày 11/2/2011 của Chính phủ quy định về an toàn công trình dầu khí trên đất liền; Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2011/NĐ-CP.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Hướng thoát nước: Khu vực dự án được thoát về 01 lưu vực chính, với hướng thoát nước của dự án chủ yếu theo hướng Nam - Bắc và Đông - Tây.

- Nước thải từ các lô đất trong khu vực dự án sau khi qua bể tự hoại được thu gom vào hệ thống ống nhựa D300 đặt trong hào kỹ thuật ở phía sau nhà, sau đó được tập trung vào mạng lưới đường ống thoát nước thải (gồm các tuyến ống D300) đến trạm xử lý nước thải của dự án.

- Đối với dãy nhà dân tiếp giáp phía Nam dự án sẽ đầu tư xây dựng hệ thống tuyến ống D300 để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của người dân tại khu vực này (tổng chiều dài tuyến ống D300, L=475m, độ dốc 0,35%). Nước thải sau đó được thoát vào mạng lưới đường ống thoát nước thải của dự án (gồm các tuyến ống D300) đến trạm xử lý nước thải.

- Đối với dãy nhà dân tiếp giáp phía Bắc và phía Đông dự án sẽ đầu tư xây dựng hệ thống tuyến cống B800 để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của người dân tại khu vực này (tổng chiều dài tuyến cống B800, L=305m, độ dốc 0,13%). Nước thải sau đó được thoát vào mạng lưới đường ống thoát nước thải của dự án (gồm các tuyến ống D300) đến trạm xử lý nước thải.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom theo nguyên tắc tự chảy và đưa về trạm xử lý nước thải đặt ngầm, công suất 160 m³/ngày đêm tại khu đất kỹ thuật 1 (KT:01) gần khu cây xanh ở phía Đông Nam dự án để xử lý nước thải. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Trạm xử lý nước thải của dự án chỉ sử dụng tạm thời do trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Bồ Hạ theo quy hoạch chung chưa được xây dựng, sau khi đã xây dựng xong trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Bồ Hạ thì nước thải của dự án sẽ được đưa về trạm xử lý này qua tuyến ống đã được lắp đặt chờ sẵn. Khi đó, trạm xử lý nước thải của dự án sẽ chuyển thành trạm bơm trung chuyển nước thải. Toàn bộ máy móc, thiết bị trạm xử lý nước thải của dự án được tận dụng chuyển sang trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Bồ Hạ để sử dụng, không loại bỏ, tránh gây lãng phí.

* Nước mưa chảy tràn:

- Hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải; thoát nước theo chế độ tự chảy. Mạng lưới thoát nước mưa gồm có hố thu nước bên trên đây lưới thu nước, giếng thăm và cống thoát nước.

- Nước mưa của toàn bộ khu vực dự án được thoát về 01 lưu vực, cụ thể: Nước mưa bề mặt của toàn bộ khu vực dự án sau khi thu gom vào hệ thống cống bê tông cốt thép (BTCT) từ D600 đến D1500 của dự án sẽ được thoát về phía Bắc dự án vào hố ga A1 giáp ranh giới phía Bắc dự án. Từ đây nước mưa được dẫn theo cống hộp B2000 để thoát ra suối Bằng hiện trạng qua cửa xả X1.

- Trước mắt nước mưa sẽ thoát từ ranh giới dự án ra suối Bằng bằng mương tiêu đất hiện trạng, mương tiêu đất sẽ được cải tạo mở rộng với kích thước Bđ = 2m, Bm=5,5m, sâu khoảng 2,2m thoát ra suối Bằng, lâu dài về sau khi xây dựng đường giao thông theo quy hoạch chung sẽ được thay bằng cống hộp B2000.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét mương thoát nước mưa, hố thu nước đảm bảo không bị tắc nghẽn, ứ đọng (tần suất 06 tháng/lần).

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án (*cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí, cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực*).

- Các tuyến đường chính, đường liên khu vực trong khu vực dự án được trải bê tông nhựa.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Định kỳ nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng (tần suất (06 tháng/lần), để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

- Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải bằng phương pháp hấp thụ (sử dụng dung dịch kiềm và than hoạt tính). Ngoài ra, để hạn chế các tác động đến môi trường không khí, Chủ dự án bố trí trồng cây xanh trong khuôn viên rộng 10m vừa gia tăng cảnh quan và hạn chế được ô nhiễm không khí, do cây xanh có khả năng hút, giữ bụi, lọc sạch không khí, che chắn và giảm thiểu tiếng ồn, tạo môi trường xanh.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh) để thu gom rác thải.

- Đối với rác thải tại khu vực công cộng: Trên các trục đường và nơi công cộng, đặt các thùng rác có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng để thuận tiện cho việc bỏ rác của người dân, hàng ngày tổ thu gom rác của địa phương sẽ đi gom rác về khu tập kết rác thải tạm thời (*Chủ dự án xây dựng 01 khu tập kết rác tạm thời tại phía Đông Nam của dự án, gần khu cây xanh và trạm xử lý nước thải, với diện tích 171 m²*).

- Toàn bộ rác thải phát sinh hàng ngày tại dự án được tập kết tại khu tập kết rác tạm thời và được xe chở rác của tổ vệ sinh môi trường chuyển đến bãi xử lý rác thải tập trung của huyện hàng ngày.

- Bùn từ các bể tự hoại: Các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức,... tự hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất khuyến khích 01 lần/năm).

- Bùn từ trạm xử nước thải tập trung: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 01 năm/lần).

- Bùn thải từ hệ thống hồ ga, cống thoát nước: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện nạo vét và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải theo quy định (*thời gian nạo vét định kỳ 06 tháng/lần; thời gian vận chuyển bùn thải được thực hiện cùng với quá trình nạo vét*).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại CTNH và quản lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho người dân sinh sống trong khu vực dự án biết để thu gom CTNH tại các gia đình chuyển về các thùng chứa đặt trong kho chứa CTNH tại khu tập kết rác thải tạm thời được quy hoạch ở phía Đông Nam của dự án.

- Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm: Bố trí 04 thùng phuy có nắp đậy, dung tích 200 lít/thùng (cả dự phòng) để phục vụ cho việc lưu chứa các

CTNH đặt tại kho lưu chứa CTNH (kho chứa này có diện tích khoảng 6m², có mái che, nền chống thấm, biển cảnh báo theo quy định, nằm trong khu tập kết rác thải tạm thời), các thùng chứa chất thải có dán nhãn, mã số CTNH; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần hoặc khi thùng chứa đầy).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

- Khuôn viên cây xanh trong khu vực dự án được bố trí phù hợp, xen kẽ giữa các khu nhà.

- Ngoài ra, tại vỉa hè đường phố còn bố trí các hố trồng cây xanh để tạo bóng mát và cảnh quan.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà. Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ.

- Niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Thực hiện phân chia làn đường; kẻ vạch đường chỉ dẫn; lắp biển báo giao thông; bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

- Thi công đường ống cấp nước theo đúng thiết kế, đảm bảo sử dụng hợp lý các loại đường ống và phụ tùng đường ống theo thiết kế.

- Yêu cầu các đơn vị, hộ dân trong khu vực dự án không được tự ý thi công, đào đất phía trên đường ống cấp nước.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống cấp nước nhằm kịp thời phát hiện các khu vực rò rỉ, xuống cấp, rạn nứt cần được tu sửa hoặc làm mới.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành trạm xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý. Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng (thuộc trách nhiệm của Chủ dự án)

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

- + 01 vị trí tại đầu khu vực thi công.

- + 01 vị trí tại cuối khu vực thi công.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, tiếng ồn, bụi toàn phần, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của Chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 473/TTr-TNMT ngày 01/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.